TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2026/HNGĐ-ST
Ngày 04-5-2026
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trường Hận;
2. Bà Lê Trường An.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Hiếu Nghĩa – Thư ký tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau.

Ngày 04 tháng 5 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 286/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026, về không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1971; số CCCD 096171000709, cấp ngày 23/4/2021; địa chỉ: Ấp F, xã S, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Văn K, sinh năm 1970; số CCCD 096070000840, cấp ngày 27/4/2021; địa chỉ: Ấp F, xã S, tỉnh Cà Mau; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn Nguyễn Ngọc B trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh K sống chung năm năm 1990, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, hiện vợ chồng chị đã ly thân nhau. Chị cho rằng cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh K.

Về con chung: Có ba người con chung Phan Trường A, sinh năm 1992, Phan Vũ A1, sinh năm 1993, Phan Thái A2, sinh năm 1998. Hiện các con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng ổn định không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định tự thoả thuận với anh K, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, bị đơn anh Phan Văn K trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị B về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, hôn nhân do anh tự nguyện lựa chọn, anh không đồng ý ly hôn với chị B. Anh xác định hiện vẫn còn tình cảm với chị, mong muốn được hàng gắn quan hệ vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng là không lớn và anh có thể sửa đổi.

Về con chung: Anh và chị B có ba người con chung Phan Trường A, sinh năm 1992, Phan Vũ A1, sinh năm 1993, Phan Thái A2, sinh năm 1998; các cháu đã trưởng thành có cuộc sống riêng không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định sẽ tự thỏa thuận với chị B, không yêu cầu tòa án giải quyết trong vụ án này, nếu có phát sinh tranh chấp anh sẽ khởi kiện trong một vụ án khác theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh K có nơi cư trú tại xã S, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị B khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh K nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 1990, anh chị sống chung với nhau là hoàn toàn tự nguyện, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không có cơ sở công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị B, anh K. Anh chị đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị B xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh K1 và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn. Anh K không đồng ý ly hôn với nguyên đơn, mong muốn hàng gắn quan hệ vợ chồng, tuy nhiên anh không trình bày được biên pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng cũng như không thuyết phục được chị B từ bỏ yêu cầu ly hôn. Tại phiên tòa, chị B xác định, nếu cho các bên tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị B được ly hôn với anh K.

[3] Về con chung: Anh chị có ba người con chung Phan Trường A, sinh năm 1992, Phan Vũ A1, sinh năm 1993, Phan Thái A2, sinh năm 1998. Các con chung hiện đã trưởng thành, có cuộc sống riêng ổn định không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị B và anh K thống nhất xác định anh chị sẽ tự thoả thuận, không yêu cầu toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có phát sinh về tài sản chung, nợ chung thì các bên có quyền khởi kiện thành một vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, anh K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc B về việc ly hôn với anh Phan Văn K.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Ngọc B và anh Phan Văn K.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, chị có nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003083 ngày 26 tháng 3 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hợp